

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2020

V/v “ly hôn giữa anh V

Và chị V1”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nơi.

2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18-8-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2020/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16 /2020/HNGĐ - QĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Tiến V, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V1, sinh năm 1997 (vắng mặt).

ĐKKHKT: Thôn B, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Tạm trú: Thôn H, xã H1, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, anh Đỗ Tiến V trình bày: Anh kết hôn với chị V1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã D vào ngày 20-11-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 9-2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng không bảo ban được nhau trong cuộc sống làm ăn, anh đã khuyên bảo nhưng chị V1 không nghe. Mâu thuẫn vợ chồng càng tăng và sống ly thân từ ngày 15-9-2018 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân (TAND) huyện H giải quyết cho anh được ly hôn chị V1. Về con chung:

Không có. Về chia tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, người tham gia tố tụng đã chấp hành cơ bản đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ly hôn giữa anh V và chị V1; về nuôi con chung: Không có; về chia tài sản chung: Chưa giải quyết; về án phí: anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[2] *Về thủ tục tố tụng*: anh V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị V1 ở Thôn H, xã H1, huyện H, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện H, tỉnh Thái Bình.

[3] Căn cứ vào biên bản lấy lời khai các ngày 24-6-2020 và ngày 13-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện H đối với ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973, trú tại thôn H, xã H1, huyện H (là bố đẻ của chị V1) trình bày: Chị V1 kết hôn với anh V do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã D vào tháng 11-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9- 2018 đến nay. Nay anh V xin ly hôn chị V1, quan điểm của chị V1 nhất trí ly hôn. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị V1 đang làm ăn ở Miền Nam, không có nơi ở cố định, gia đình ông và chị V1 vẫn liên lạc qua điện thoại, ông đã thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho chị V1 biết, nhưng chị V1 không về Tòa án để giải quyết vụ án được, chị V1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị theo quy định của pháp luật. Như vậy, chị V1 đã biết TAND huyện H đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa anh V và chị, nhưng chị không đến Tòa án để giải quyết vụ án, vì vậy, TAND huyện H mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị V1 theo quy định tại điểm b khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân*: Anh V kết hôn với chị V1 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã D vào ngày 20-11-2016, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được gần hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng không bảo ban được

nhau trong cuộc sống làm ăn. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, anh V và chị V1 mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị V1, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[5] *Về nuôi con chung*: Không có.

[6] *Về tài sản chung*: Mặc dù anh V và ông T đều trình bày vợ chồng không có tài sản gì chung nhưng do chưa có ý kiến trực tiếp của chị V1 nên Tòa án không xem xét giải quyết. Các bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản bằng vụ kiện dân sự khác (nếu có).

[7] *Về án phí*: Anh V phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Đỗ Tiến V và chị Nguyễn Thị V1.
2. *Về nuôi con chung*: Không có.
3. *Về chia tài sản*: Chưa giải quyết.
4. *Về án phí*: Anh V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006024 ngày 10-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình, anh V đã nộp đủ tiền án phí.

Anh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị V1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã H1.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu tại UBND xã D;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Nhàn

